

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính khóa 18

Môn: Phần I - Kiến thức chung

Ngày thi: 14/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Ngô Tuấn Anh	7,60	Bảy phẩy sáu	21	Nguyễn Thị Tuyết Nga	9,20	Chín phẩy hai
2	Nguyễn Ngọc Anh	8,80	Tám phẩy tám	22	Trần Thị Nguyên	5,40	Năm phẩy tư
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	7,40	Bảy phẩy bốn	23	Triệu Kim Oanh	5,00	Năm
4	Đàm Thế Cảnh	6,40	Sáu phẩy bốn	24	Lương Kim Oanh	6,40	Sáu phẩy bốn
5	Nông Văn Cường	7,20	Bảy phẩy hai	25	Dương Lưu Phương	6,00	Sáu
6	Nguyễn Văn Chánh	5,40	Năm phẩy bốn	26	Hà Thị Tắm	7,00	Bảy
7	Phan Kim Dung	6,40	Sáu phẩy bốn	27	Nguyễn Ánh Tiếp	7,00	Bảy
8	Phan Mạnh Hà	6,40	Sáu phẩy bốn	28	Nguyễn Thị Tuyết	7,00	Bảy
9	Trương Tố Hằng	8,60	Tám phẩy sáu	29	Đàm Thị Tuyết	5,20	Năm phẩy hai
10	Phương Mai Hoa	7,00	Bảy	30	Lê Quang Thanh	9,20	Chín phẩy hai
11	Đàm Văn Hòa	7,00	Bảy	31	Lý Chàn Thông	7,40	Bảy phẩy tư
12	Nông Quang Hoài	5,20	Năm phẩy hai	32	Nông Thị Minh Thu	7,50	Bảy phẩy năm
13	Vũ Minh Hoàng	6,40	Sáu phẩy bốn	33	La Việt Thùy	6,20	Sáu phẩy hai
14	Mã Đình Huân	5,60	Năm phẩy sáu	34	Bế Thị Thùy	7,40	Bảy phẩy tư
15	Nông Thị Minh Huệ	5,40	Năm phẩy bốn	35	Nông Thu Thùy	5,80	Năm phẩy tám
16	Lương Thị Huyền	6,40	Sáu phẩy bốn	36	Mã Thị Thu	7,20	Bảy phẩy hai

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
17	Phạm Thị Thu Hương	5,40	Năm phẩy bốn	37	Bàn Thị Thương	7,20	Bảy phẩy hai
18	Vi Thị Hường	5,00	Năm	38	Triệu Thị Thương	6,40	Sáu phẩy bốn
19	Hoàng Linh Lan	6,40	Sáu phẩy bốn	39	Lô Thị Mùi Trang	5,20	Năm phẩy hai
20	Hứa Thị Phương Liên	6,00	Sáu	40	Đặng Văn Vỹ	6,00	Sáu

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỜNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG





Triệu Văn Lượng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa